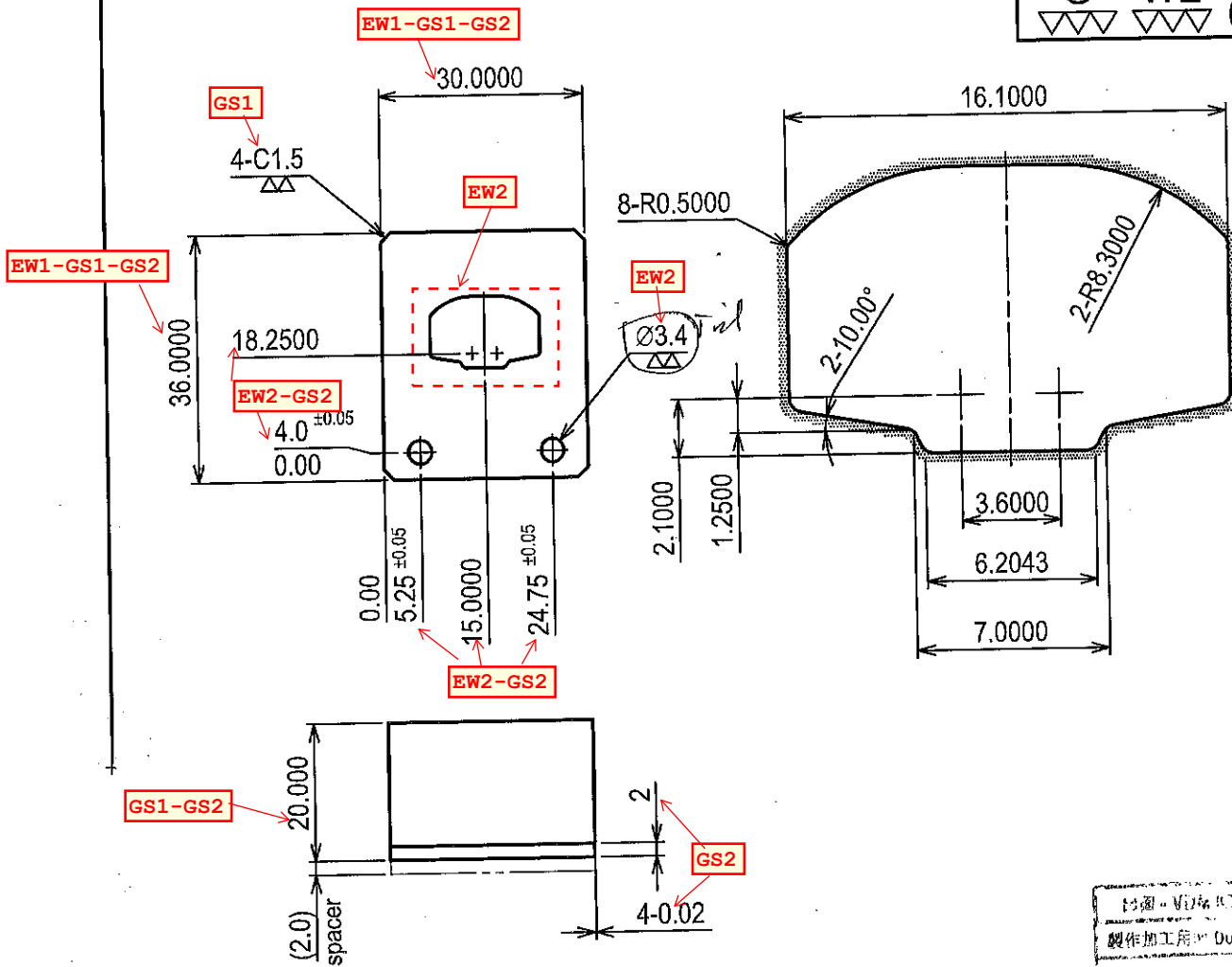


EW1 ra phôi:
T22*30.5*36.5
GS1:
-20.00=>lướt sáng
-30.00=>30.05
-36.00=>36.05
-4-C1.5=>ok

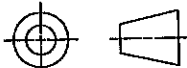
CUTTING TOLERANCE			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
0.000	±0.005	0.000 ₋₀	+0.005 ₋₀
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
0.0	±0.1	0.00 ₋₀	+0.01 ₋₀
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
		0.0 ₋₀	+0.1 ₋₀
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			



ハッチング部は切刃の為、面取り不可(KC-019)
切刃ニゲ勾配ダイ上面より3'30"とする(KC-050)

24-04-2019

013 19 04 145

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung	部品図 PART DRAWING		トリミングダイ TRIMMING DIE
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図		外形冲切下模
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		外形冲切下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2018/09/10	1:1(4/1)		R181880

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

T 22 + 35 + 40.

SNO: **R181880**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T22*31*37	EW1:60 GS1:75 ED:60 EW2:250 GS2:150 KT